

VIET & CO 

CERTIFIED PUBLIC ACCOUNTANTS AND BUSINESS ADVISORS

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

(Thành lập tại Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO GIAI ĐOẠN KẾT THÚC NGÀY 9 THÁNG 11 NĂM 2018



Morison KSi
Independent member

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

MỤC LỤC

| | TRANG |
|--|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN | 01 - 02 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 04 - 05 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG | 06 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 07 |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 08 - 33 |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 9 tháng 11 năm 2018.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Trần Quang Sĩ | Chủ tịch |
| Ông Lê Thanh Mân | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Đứng | Thành viên |
| Bà Lê Thị Hồng | Thành viên |

Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|-------------------|
| Ông Lê Thanh Mân | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Đứng | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Thị Hồng | Phó Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Việt và Co - Thành viên độc lập của Morison KSi bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm kiểm toán viên cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và, vì vậy, thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Hội đồng thành viên Công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 9/11/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 9 tháng 11 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Hội đồng thành viên



Trần Quang Sĩ

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ngày 04 tháng 02 năm 2019

Số: 04.19 /KTVC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Tổng Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 2 năm 2019, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 9 tháng 11 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không;

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng;

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 9 tháng 11 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN
VIỆT & CO
Nguyễn Thị Diệu
Phó Giám Đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0825-2018-252-1

Thay mặt và đại diện cho

Công Ty TNHH Kiểm toán Việt & Co
Thành viên độc lập của Morisou KSi

Ngày 04 tháng 02 năm 2019



Trần Lâm Minh Quyền
Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1194-2018-252-1

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 9 tháng 11 năm 2018

Mẫu B01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 4.966.626.660.307 | 4.398.866.835.780 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 291.307.294.944 | 328.000.041.993 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 291.307.294.944 | 328.000.041.993 |
| 2. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | 2.366.000.000 |
| 3. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | (2.366.000.000) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.725.094.064.665 | 3.265.258.150.480 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3a | 617.195.100.771 | 318.496.772.768 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3b | 5.482.066.916 | 9.903.849.951 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 3.102.393.053.439 | 2.952.893.385.199 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | - | (16.059.700.977) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 23.843.539 | 23.843.539 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 932.898.697.691 | 804.965.334.074 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 932.898.697.691 | 804.965.334.074 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 17.326.603.007 | 643.309.233 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 61.373.280 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | V.15a | 17.326.603.007 | 581.935.953 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.558.471.191.237 | 1.410.390.152.834 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.962.959.286 | 7.413.180.210 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 1.962.959.286 | 7.413.180.210 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.109.152.956.431 | 1.079.048.894.806 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 272.933.829.421 | 214.952.470.068 |
| - Nguyên giá | 222 | | 752.775.547.220 | 687.881.847.718 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (479.841.717.799) | (472.929.377.650) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 836.219.127.010 | 864.096.424.738 |
| - Nguyên giá | 228 | | 837.795.683.974 | 865.672.981.702 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.576.556.964) | (1.576.556.964) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 142.462.844.355 | 82.112.012.445 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 142.462.844.355 | 82.112.012.445 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 293.581.352.775 | 237.933.492.833 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.11 | 177.487.161.616 | 147.052.836.377 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.12 | 97.304.580.046 | 80.356.371.552 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.13 | 18.789.611.113 | 14.265.497.009 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | (3.741.212.105) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 11.311.078.390 | 3.882.572.540 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7 | 11.311.078.390 | 3.882.572.540 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 6.525.097.851.544 | 5.809.256.988.614 |

95
JNC
TNI
M
T
10

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 9 tháng 11 năm 2018

Mẫu B01-DN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 5.546.076.679.315 | 5.013.398.407.698 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 5.311.863.617.331 | 4.779.472.463.513 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14a | 1.663.183.394.215 | 1.511.183.521.932 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14b | 671.332.215 | 459.676.312 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15b | 141.255.167.371 | 104.376.793.889 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.16 | 7.126.578.885 | 9.875.657.722 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 636.146.729 | 1.992.121.749 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18a | 6.924.238.930 | 2.197.945.697 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19 | 3.372.638.876.798 | 2.957.363.647.576 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.20 | - | 24.400.000.000 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.820.069.962 | (2.139.865.257) |
| 10. Quỹ bình ổn giá | 323 | V.21 | 117.607.812.226 | 169.762.963.893 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 234.213.061.984 | 233.925.944.185 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.15c | 336.325.322 | 336.325.322 |
| 2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 78.117.799 | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b | 233.798.618.863 | 233.589.618.863 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 979.021.172.229 | 795.858.580.916 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.22 | 979.021.172.229 | 795.858.580.916 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 131.712.599.298 | 131.712.599.298 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 599.437.402.590 | 1.233.596.616.810 |
| 3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 127.868.765.464 | - |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 8.402.093.679 | 8.402.093.679 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 111.600.311.198 | (577.852.728.871) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 8.950.410.046 | (650.548.287.715) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 102.649.901.152 | 72.695.558.844 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 6.525.097.851.544 | 5.809.256.988.614 |


PHẠM VĂN BÈN
Người lập biểu


NGUYỄN XUÂN TUYÊN
Kế toán trưởng


LÊ THANH MÂN
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 02 năm 2019



172.
TY
H
TOÁN
& C
10 C

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B02-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 12.115.904.775.596 | 11.186.883.108.952 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 03 | | 241.360.973 | 72.012.909 |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 12.115.663.414.623 | 11.186.811.096.043 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 11.830.148.613.142 | 10.982.777.971.019 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.2 | 198.170.368.340 | 226.497.571.103 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 187.878.076.177 | 138.557.398.167 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 107.936.930.788 | 113.067.697.970 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 184.577.580.641 | 256.892.735.874 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 21.155.761.017 | 24.738.180.036 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | VI.7 | 90.073.751.986 | 10.342.382.050 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 20.420.362.037 | 85.435.680.752 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 7.630.023.716 | 23.038.378.391 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 12.790.338.321 | 62.397.302.361 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 102.864.090.307 | 72.739.684.411 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.8 | 214.189.155 | 44.125.567 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 102.649.901.152 | 72.695.558.844 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | | |



PHẠM VĂN BÈN
Người lập biểu



NGUYỄN XUÂN TUYÊN
Kế toán trưởng




LÊ THANH MÂN
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B03-DN
Đơn vị: VNĐ

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------------|----------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 8.910.132.085.375 | 8.724.548.811.162 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (2.500.127.167.218) | (3.637.797.414.349) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (39.479.484.658) | (49.449.770.479) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (109.854.211.473) | (113.406.793.007) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | (214.189.155) | (44.125.567) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 7.210.493.994.680 | 8.412.350.649.391 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (3.231.292.653.550) | (5.114.282.484.326) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 10.239.658.374.001 | 8.221.918.872.825 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (75.287.075.229) | (5.084.520.350) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 144.487.326.255 | 283.597.110.561 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (11.393.473.200) | (2.000.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 3.962.473.200 | 87.975.854.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 29.732.190.114 | 41.840.442.673 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 91.501.441.140 | 406.328.886.884 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 4.026.110.261.530 | 5.905.918.865.101 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (14.397.739.065.178) | (14.408.628.284.576) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (10.371.628.803.648) | (8.502.709.419.475) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (40.468.988.507) | 125.538.340.234 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 328.000.041.993 | 200.219.888.102 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 3.776.241.458 | 2.241.813.657 |
| Tiền tồn cuối kỳ | 70 | | 291.307.294.944 | 328.000.041.993 |

PHẠM VĂN BÈN
Người lập biểu

NGUYỄN XUÂN TUYÊN
Kế toán trưởng

LÊ THANH MÂN
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 02 năm 2019



CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (“Công ty”) thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400147351 ngày 2 tháng 7 năm 2010, giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 05 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Công ty được chuyển đổi dưới hình thức 100% vốn sở hữu Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 68/QĐ-UBND-TL ngày 29/6/2010.

Tổng số vốn điều lệ của doanh nghiệp là: 1.429.239.850.561 đồng Việt Nam.

Từ ngày 9/11/2018, Công ty được chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

| Cổ đông | Tỷ lệ | Cổ phần |
|-----------------------------------|-------------|-------------------|
| Tỷ lệ cổ phần nhà nước: | 98,63% | 86.126.854 |
| Người lao động trong doanh nghiệp | 0,41% | 359.200 |
| Nhà đầu tư | 0,96% | 837.926 |
| Tổng cộng | 100% | 87.323.980 |

Trụ sở chính của công ty đặt tại Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu;

Mua bán nhiên liệu khí và các sản phẩm của chúng. Mua bán các chất bôi trơn.

Chiết nạp gas. Xuất nhập khẩu gas (LPG)

Kho bãi và lưu trữ hàng hóa

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Dịch vụ cung ứng tàu biển; các dịch vụ có liên quan

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Kinh doanh dịch vụ du lịch

...



CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các Công ty con và Công ty liên kết bao gồm:

Công ty Cổ Phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp

Trụ sở: 215-217 Trương Hán Siêu, phường Mỹ Tho, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Vận tải đường thủy, đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
Vốn điều lệ: 43.705.100.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

Công ty Cổ Phần Nhiên liệu Đồng Tháp

Trụ sở: Số 328, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mua bán xăng, dầu, nhớt và gas; Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy; đại lý bảo hiểm.
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (50 tỷ đồng)
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 49%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 52,32%

Công ty Cổ Phần Dầu Khí Cửu Long

Trụ sở: số 67/6A, đường Phó Cơ Điều, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu; Mua bán nhiên liệu khí và các sản phẩm của chúng; Kinh doanh vận tải thủy bộ; Cho thuê kho bãi; Mua bán các chất bôi trơn.
Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (36 tỷ đồng)
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 49%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

Công ty Cổ Phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp

Trụ sở: số 1649, Quốc lộ 30, phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh gas
Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (60 tỷ đồng)
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 34%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà

Trụ sở: đường Lê Duẩn, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh dịch vụ du lịch khác (khu vui chơi giải trí); Dịch vụ massage; Đại lý bán vé máy bay; Vận chuyển hành khách theo hợp đồng; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Mua bán xăng, dầu, nhớt, gas, phân bón.
Vốn điều lệ: 52.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ: 82,56%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty mẹ: 1,67%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 85,83%

331
KI
VI
PI

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Cổ Phần Cơ khí Xây dựng Đồng Tháp

Trụ sở: số 1649, Quốc lộ 30, phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và sửa chữa phương tiện tàu thủy.

Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 30%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55%

Công ty Cổ Phần Nhiên liệu Tây Đô

Trụ sở: số 58 đường số 8, Khu đô thị Phú An, phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Tp Cần Thơ

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu (dầu nhờn, gas); Vận chuyển xăng, dầu bằng đường thủy, bộ; Đại lý bảo hiểm.

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng (25 tỷ đồng)

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 43%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 43%

Công ty TNHH Sopet Gas One

Trụ sở: Lầu 3, Broadway A, 100 Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, Tp.HCM

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh xăng dầu, gas

Vốn điều lệ: 70.230.079.742 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 20.4%, tương đương 14.790.520.690 đồng

Quyền biểu quyết của Công ty: 20.4%

Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Sao Việt

Trụ sở: Số 204, đường Hùng Vương, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Môi giới bảo hiểm.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 20%

Quyền biểu quyết của Công ty: 20%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

89
CÔNG
TY
THƯƠNG
MẠI
DẦU
KHÍ
ĐỒNG
THÁP

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc vào ngày 9 tháng 11 năm 2018.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau lần ghi nhận ban đầu.

57
G T
HH
TO
&
101

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| Loại tài sản | Năm nay |
|--|---------|
| | Số năm |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc thiết bị | 3 - 7 |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 6 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 5 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dài hạn. Do đó công ty không trích khấu hao cho loại tài sản này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê quyền sử dụng đất, chi phí sửa chữa các trạm kinh doanh xăng dầu, chi phí mua công cụ dụng cụ sử dụng nhiều lần, giá trị còn lại của tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo Thông tư 45;

Tiền thuê quyền sử dụng đất thể hiện số tiền thuê quyền sử dụng đất đã được trả trước. Tiền thuê quyền sử dụng đất trả trước và các chi phí khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| 1. Tiền | Cuối năm | Đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt tại quỹ | 681.434.402 | 540.175.278 |
| Tiền gửi ngân hàng | (1a) 290.625.860.542 | 327.459.866.715 |
| Tổng cộng | 291.307.294.944 | 328.000.041.993 |
| 1a Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau: | Cuối năm | Đầu năm |
| Vietinbank Đồng Tháp (VND) | 263.141.715 | 4.159.185.361 |
| Vietinbank Đồng Tháp (USD) | 82.312.784.065 | 145.057.396 |
| BIDV Đồng Tháp (USD) | 217.717.991 | 10.356.754.362 |
| MB Đồng Tháp (VND) | 13.537.723 | 7.923.590 |
| Sacombank Đồng Tháp (VND) | 10.025.652.657 | 32.293.941.500 |
| Sacombank Đồng Tháp (USD) | 9.397.396 | 10.216.236 |
| LienVietBank Cần Thơ (VND) | 23.983.211 | 61.359.975 |
| LienVietBank Cần Thơ (USD) | 25.353.103 | 24.811.408 |
| Vietcombank Đồng Tháp (VND) | 19.243.528.832 | 17.045.368.359 |
| Vietcombank Đồng Tháp (USD) | 591.239.669 | 143.974.903 |
| Agribank Đồng Tháp (VND) | 3.537.941.687 | 16.997.000.494 |
| Eximbank Tây Đô, Cần Thơ | 3.828.987.348 | 460.485.372 |
| VIBank Cần Thơ | 6.707.654.279 | 735.062.554 |
| Indovina Cần Thơ (VND) | 99.251.092 | 98.428.226 |
| VIBank Cần Thơ (VND) | 9.036.071 | 26.179.339 |
| Quỹ bình ổn xăng dầu tại BIDV Đồng Tháp (VND) | 153.473.473.315 | 181.553.387.228 |
| Ngân hàng Quân Đội - CN Cần Thơ (USD) | 1.552.563 | 1.514.809 |
| MB Cần Thơ | 114.892.373 | 1.713.428.222 |
| PG Bank Đồng Tháp | 1.262.879.673 | 34.523.073 |
| Techcombank Đồng Tháp | 219.773.769 | 219.957.523 |
| BIDV Đồng Tháp TK 14044 | 5.040.019.148 | 19.134.280.431 |
| BIDV Đồng Tháp TK | - | 6.995.847.916 |
| Vietinbank CN Đồng Tháp (TK 119002668951) | 3.333.068.158 | - |
| Liên Việt CN Đồng Tháp | 149.240.491 | 148.003.176 |
| Ngân hàng NN&PTNT CN Hậu Giang | 27.178.300 | 35.001.750.000 |
| Tiền VND tại các ngân hàng khác | 19.223.657 | 17.430.933 |
| Tiền USD tại các ngân hàng khác | 75.352.257 | 73.994.329 |
| Cộng | 290.625.860.543 | 327.459.866.715 |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các khoản đầu tư tài chính

| | Cuối năm | Đầu năm |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| Chứng khoán đầu tư ngắn hạn | - | 2.366.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư | - | (2.366.000.000) |
| Tổng cộng | - | - |

Khoản đầu tư tài chính là cổ phiếu của Docimexco với số lượng 140,000 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị khoản đầu tư này bằng 0 theo biên bản xác định giá doanh nghiệp ngày 1/1/2017.

3. Phải thu của khách hàng

| | Cuối năm | Đầu năm |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu của khách hàng (3a) | 617.195.100.771 | 318.496.772.768 |
| Trả trước cho người bán (3b) | 5.482.066.916 | 9.903.849.951 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn (3c) | - | - |
| Tổng cộng | 622.677.167.687 | 328.400.622.719 |

3a. Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu khách hàng trong nước | 564.286.438.071 | 96.629.051.990 |
| Phải thu khách hàng nước ngoài | 52.908.662.700 | 221.867.720.778 |
| Cộng | 617.195.100.771 | 318.496.772.768 |

3b. Chi tiết số dư trả trước cho người bán như sau:

| | Cuối năm | Đầu năm |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Trả trước cho người bán trong nước | 5.482.066.916 | 9.903.849.951 |
| Trả trước cho người bán nước ngoài | - | - |
| Cộng | 5.482.066.916 | 9.903.849.951 |

4. Các khoản phải thu khác

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|--------------------------|--------------------------|
| a. Ngắn hạn | 3.102.393.053.439 | 2.952.893.385.199 |
| Phải thu tiền Bảo hiểm bồi thường | 12.130.173 | 12.130.173 |
| Phải thu các đơn vị trực thuộc | 3.079.309.672 | 3.079.309.672 |
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 82.346.369.573 | 108.662.344.444 |
| Phải thu Cty Bảo Việt Đồng Tháp | 302.889.000 | - |
| Thuế TTĐB được khấu trừ | - | 3.900.372.570 |
| Phải thu khác | 1.344.529.548 | 1.312.775.584 |
| Tạm ứng | 4.373.827.473 | 4.921.754.756 |
| Ký cược, ký quỹ | 3.010.933.998.000 | 2.831.004.698.000 |
| b. Dài hạn | 1.962.959.286 | 7.413.180.210 |
| Những khoản ứng vốn cho các đại lý Xăng Dầu | 1.962.959.286 | 7.413.180.210 |
| Tổng cộng | 3.104.356.012.725 | 2.960.306.565.409 |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nợ xấu

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|-----------------------|----------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng cộng | - | - | 16.259.700.977 | 200.000.000 |
| Cty TNHH Đông Phương | - | - | 8.505.446.840 | - |
| Chi nhánh Vĩnh Long | - | - | 5.924.162.085 | - |
| Cty CP NL VinaBENNY | - | - | 1.459.164.810 | 200.000.000 |
| Nhiều khách hàng khác | - | - | 370.927.242 | - |

Trong năm, Công ty quyết định xóa các khoản nợ xấu đã lập khoản dự phòng theo biên bản xác định giá doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 626.316.814 | 1.370.747.646 |
| Thành phẩm | 6.025.967.632 | |
| Hàng hoá | 926.246.413.245 | 803.594.586.428 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 932.898.697.691 | 804.965.334.074 |
| Dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | |
| Cộng dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |

7. Chi phí trả trước

| | Cuối năm | Đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Dài hạn | | |
| Chi phí cải tạo sửa chữa tài sản | 11.311.078.390 | 3.882.572.540 |
| Tổng cộng | 11.311.078.390 | 3.882.572.540 |

Công ty ghi tăng các khoản chi phí trả trước này theo biên bản xác định giá doanh nghiệp ngày 1/1/2017 là: 6.224.097.577 đồng

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị quản lý | Tổng cộng |
|-------------------|-----------------|---------------------|------------------------|---------------------|-----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 641.574.832.886 | 23.645.431.284 | 11.695.120.845 | 10.966.462.703 | 687.881.847.718 |
| Tăng trong kỳ | 77.802.192.200 | 1.332.968.313 | 8.495.858.853 | 300.297.818 | 87.931.317.184 |
| Mua trong kỳ | 683.226.364 | | 1.208.765.182 | | 1.891.991.546 |
| Tăng khác (*) | 77.118.965.836 | 1.332.968.313 | 7.287.093.671 | 300.297.818 | 86.039.325.638 |
| Giảm trong kỳ | 9.563.991.941 | 6.982.665.741 | 6.486.222.090 | 4.737.910 | 23.037.617.682 |
| Thanh lý | 2.954.873.994 | | 1.800.000.000 | | 4.754.873.994 |
| Giảm khác (*) | 6.609.117.947 | 6.982.665.741 | 4.686.222.090 | 4.737.910 | 18.282.743.688 |
| Số dư cuối năm | 709.813.033.145 | 17.995.733.856 | 13.704.757.608 | 11.262.022.611 | 752.775.547.220 |

HAO MÒN LŨY KẾ

| | | | | | |
|----------------|-----------------|----------------|---------------|---------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 440.811.304.956 | 21.783.184.627 | 5.934.017.152 | 4.400.870.915 | 472.929.377.650 |
| Tăng trong kỳ | 65.720.917.466 | 2.058.342.053 | 6.388.672.635 | 1.878.907.163 | 76.046.839.317 |
| Khấu hao | 35.210.264.350 | 637.734.288 | 1.291.443.274 | 1.708.792.450 | 38.848.234.362 |
| Tăng khác (*) | 30.510.653.116 | 1.420.607.765 | 5.097.229.361 | 170.114.713 | 37.198.604.955 |
| Giảm trong kỳ | 51.819.403.830 | 11.254.655.541 | 5.633.801.884 | 426.637.913 | 69.134.499.168 |
| Thanh lý | | | 1.800.000.000 | | 1.800.000.000 |
| Giảm khác (*) | 51.819.403.830 | 11.254.655.541 | 3.833.801.884 | 426.637.913 | 67.334.499.168 |
| Số dư cuối năm | 454.712.818.592 | 12.586.871.139 | 6.688.887.903 | 5.853.140.165 | 479.841.717.799 |

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

| | | | | | |
|------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|-----------------|
| Số đầu năm | 200.763.527.930 | 1.862.246.657 | 5.761.103.693 | 6.565.591.788 | 214.952.470.068 |
| Số cuối kỳ | 255.100.214.553 | 5.408.862.717 | 7.015.869.705 | 5.408.882.446 | 272.933.829.421 |

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 49.097.704.899 đồng.

(*) Tăng / giảm khác được ghi nhận theo biên bản xác định giá doanh nghiệp ngày 1/1/2017. Tổng tài sản tăng theo biên bản định giá là 100.109.118.572 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Thương hiệu | Quyền sử dụng đất | Tổng cộng |
|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu năm | - | 865.672.981.702 | 865.672.981.702 |
| Tăng trong kỳ | 20.819.098.238 | 28.106.305.160 | 28.106.305.160 |
| Tăng khác (*) | 20.819.098.238 | 28.106.305.160 | 48.925.403.398 |
| Giảm trong kỳ | | 76.802.701.126 | 76.802.701.126 |
| Thanh lý, nhượng bán | | 5.157.984.956 | 5.157.984.956 |
| Giảm khác (*) | | 71.644.716.170 | 71.644.716.170 |
| Số dư cuối năm | 20.819.098.238 | 816.976.585.736 | 837.795.683.974 |

HAO MÒN LŨY KẾ

| | | | |
|-----------------------|---|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | - | 1.576.556.964 | 1.576.556.964 |
| Tăng trong kỳ | | - | - |
| Giảm trong kỳ | | | |
| Số dư cuối năm | - | 1.576.556.964 | 1.576.556.964 |

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

| | | | |
|------------|----------------|-----------------|-----------------|
| Số đầu năm | - | 864.096.424.738 | 864.096.424.738 |
| Số cuối kỳ | 20.819.098.238 | 815.400.028.772 | 836.219.127.010 |

(*) Tăng / giảm khác là Công ty đã ghi nhận khoản này biên bản xác định giá doanh nghiệp ngày 1/1/2017. Tổng tài sản giảm theo biên bản định giá là 19.388.287.984 đồng.

10. Tài sản dở dang dài hạn

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--|------------------------|-----------------------|
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn | | |
| Chi phí mua sắm TSCĐ | 111.090.683.573 | 51.548.416.814 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 14.818.141.114 | 15.242.112.214 |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản | 16.554.019.668 | 15.321.483.417 |
| Số dư cuối kỳ | 142.462.844.355 | 82.112.012.445 |

Trong đó gồm vài hạn mục có giá trị lớn như:

| | | |
|--|-----------------|----------------|
| Xây dựng 04 bồn tại kho Phước Khánh | 11.694.980.227 | 9.850.288.466 |
| Giá trị đất | 107.885.321.755 | 48.123.054.996 |
| Xây dựng và Mở rộng kho Trần Quốc Toàn | 17.304.660.773 | 15.112.587.523 |

Tổng tài sản giảm theo biên bản định giá doanh nghiệp ngày 1/1/2017 là 33.465.782.822 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**11. Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

| Tên công ty con | Tỷ lệ phần sở hữu | Số lượng | Giá trị cổ phần | Hoạt động chính |
|-------------------------------|-------------------|-----------|------------------------|-----------------|
| Cty CP VT XD Đồng Tháp | 51% | 2.228.956 | 29.127.921.030 | (xem mục I) |
| Cty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp | 51,08% | 4.720.968 | 49.322.386.103 | |
| Cty CP TM Dầu Khí Cửu Long | 49% | 1.764.000 | 33.351.813.109 | |
| Cty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà | 82,56% | 4.293.200 | 41.306.560.313 | |
| Cty CP Nhiên Liệu Tây Đô | 64,01% | 1.275.000 | 24.378.481.061 | |
| Tổng cộng | | | 177.487.161.616 | |

Thông tin giao dịch phát sinh trong kỳ

| Tên công ty con | Giá trị đầu năm | Phát sinh trong kỳ | Giá trị cuối năm |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Cty CP VT XD Đồng Tháp | 28.532.085.925 | 595.835.105 | 29.127.921.030 |
| Cty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp | 36.354.057.467 | 12.968.328.636 | 49.322.386.103 |
| Cty CP TM Dầu Khí Cửu Long | 22.881.308.294 | 10.470.504.815 | 33.351.813.109 |
| Cty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà | 44.267.862.943 | (2.961.302.630) | 41.306.560.313 |
| Cty CP Nhiên Liệu Tây Đô | 15.017.521.748 | 9.360.959.313 | 24.378.481.061 |
| Tổng cộng | 147.052.836.377 | 30.434.325.239 | 177.487.161.616 |

Chi tiết phát sinh tăng/giảm trong kỳ:

| Tên công ty con | Tăng/giảm theo biên bản xác định giá trị DN 1/1/2017 | Tăng vốn điều lệ/ tăng góp vốn tại công ty con | Tổng cộng |
|-------------------------------|--|--|-----------------------|
| Cty CP VT XD Đồng Tháp | 595.835.105 | - | 595.835.105 |
| Cty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp | 12.968.328.636 | - | 12.968.328.636 |
| Cty CP TM Dầu Khí Cửu Long | 3.800.142.193 | 6.670.362.622 | 10.470.504.815 |
| Cty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà | (2.961.302.630) | - | (2.961.302.630) |
| Cty CP Nhiên Liệu Tây Đô | (329.040.687) | 9.690.000.000 | 9.360.959.313 |
| Tổng cộng | 14.073.962.617 | 16.360.362.622 | 30.434.325.239 |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

| Tên công ty liên kết | Tỷ lệ phần sở hữu | Số lượng CP | Giá trị cổ phần cuối năm | Giá trị cổ phần đầu năm |
|-----------------------------------|-------------------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| Cty CP Cơ khí xây dựng ĐT | | | - | 1.456.964.322 |
| Cty CP Vận tải Dầu khí Mê Kông | 18,49% | 1.719.220 | 10.944.282.003 | 8.984.603.131 |
| Cty CP Du lịch Đồng Tháp | 3,89% | 189.085 | 1.909.066.305 | 1.842.874.500 |
| Cty CP VT Đường sông Đồng Tháp | 14,11% | 120.000 | 2.536.899.848 | 2.753.346.622 |
| Cty CP Môi giới Bảo hiểm Sao Việt | 10% | 40.000 | 385.135.163 | 438.881.635 |
| Cty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp | 34% | 2.040.000 | 22.458.676.037 | 20.779.701.342 |
| Công ty CP Hóa dầu Phước Khánh | 49% | 4.410.000 | 44.100.000.000 | 44.100.000.000 |
| Công ty TNHH Sopet Gas One | 20,4% | | 14.970.520.690 | |
| Tổng cộng | | | 97.304.580.046 | 80.356.371.552 |

Công ty ghi tăng các khoản đầu tư này theo biên bản xác định giá doanh nghiệp ngày 1/1/2017 là: 18.676.465.878 đồng.

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Cty CP Vận tải Âu Lạc | 393.660 | 9.367.277.297 | 393.660 | 8.735.719.145 |
| Cty CP ĐTXD VT Đồng Tháp | 105.000 | 5.832.919.683 | 105.000 | 4.369.924.131 |
| Cty CP TM Long Thành | 172.503 | 3.589.414.133 | 75.000 | 1.159.853.733 |
| Cộng | | 18.789.611.113 | | 14.265.497.009 |

Công ty ghi tăng các khoản đầu tư này theo biên bản xác định giá doanh nghiệp ngày 1/1/2017 là: 4,524,114,104 đồng.

14. Phải trả cho người bán

| | | Cuối năm | Đầu năm |
|---|-------|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả cho người bán ngắn hạn | (14a) | 1.663.183.394.215 | 1.511.183.521.932 |
| Người mua trả tiền trước | (14b) | 671.332.215 | 459.676.312 |
| Phải trả cho người bán dài hạn | (14c) | 336.325.322 | 336.325.322 |
| <i>(mua tàu Sông Tiền trước năm 2005)</i> | | | |
| Tổng cộng | | 1.664.191.051.752 | 1.511.643.198.244 |
| Số có khả năng trả nợ | | 1.664.191.051.752 | 1.511.643.198.244 |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14a. Chi tiết số dư Phải trả cho người bán như sau:

| | Cuối năm | Đầu năm |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Nhà cung cấp trong nước | 740.852.213.760 | 645.607.354.434 |
| Nhà cung cấp nước ngoài | 922.331.180.455 | 865.576.167.498 |
| Cộng | 1.663.183.394.215 | 1.511.183.521.932 |

14b. Chi tiết số dư Người mua trả tiền trước như sau:

| | Cuối năm | Đầu năm |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| Nhà cung cấp trong nước | 323.000.000 | 111.344.100 |
| Nhà cung cấp nước ngoài | 348.332.215 | 348.332.212 |
| Cộng | 671.332.215 | 459.676.312 |

15. Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước

| | Đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm | Cuối năm |
|------------------------------|------------------------|----------------------------------|--|------------------------|
| a. Các khoản phải thu | | | | |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 581.935.953 | 958.981.860.355 | 975.726.527.409 | 17.326.603.007 |
| Tổng cộng | 581.935.953 | 958.981.860.355 | 975.726.527.409 | 17.326.603.007 |
| b. Các khoản phải trả | | | | |
| Thuế GTGT nội địa | | 1.085.017.660.368 | 1.084.260.352.680 | 757.307.688 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | 299.873.777.468 | 299.873.777.468 | - |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | | 216.786.792.846 | 216.786.792.846 | - |
| Thuế nhập khẩu | - | 226.097.842.393 | 226.097.842.393 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | 214.189.155 | 214.189.155 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 98.442.007 | 458.996.710 | 497.503.256 | 59.935.461 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | | 7.206.079.240 | 7.206.079.240 | - |
| Thuế tài nguyên môi trường | 104.278.351.882 | 1.077.125.379.450 | 1.040.965.807.110 | 140.437.924.222 |
| Thuế môn bài | - | 11.000.000 | 11.000.000 | - |
| Thuế khác | - | 92.282.800 | 92.282.800 | - |
| Tổng cộng | 104.376.793.889 | 2.912.791.717.630 | 2.876.005.626.948 | 141.255.167.371 |

Các khoản thuế phải nộp thực tế sẽ do cơ quan thuế xác định khi kiểm tra quyết toán thuế.

16. Phải trả người lao động

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Quỹ lương còn phải trả cho người lao động | 5.321.775.413 | 8.124.487.783 |
| Quỹ lương còn phải trả cho Ban giám đốc | 1.804.803.472 | 1.751.169.939 |
| Tổng cộng | 7.126.578.885 | 9.875.657.722 |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Cuối năm</u> | <u>Đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Trích trước chi phí lãi vay | | 1.992.121.749 |
| Trích trước chi phí vận chuyển và khác | 636.146.729 | |
| Tổng cộng | <u>636.146.729</u> | <u>1.992.121.749</u> |

18. Phải trả khác

| | <u>Cuối năm</u> | <u>Đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| a. Ngắn hạn | 6.924.238.930 | 2.197.945.697 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | 570.422.943 | 574.573.735 |
| Kinh phí công đoàn | 1.332.237.162 | 1.493.789.937 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 1.326.446.477 | (146.000.000) |
| Khác | 3.695.132.348 | 275.582.025 |
| b. Dài hạn | 233.798.618.863 | 233.589.618.863 |
| Nhận ký quỹ, ký cược vỏ bình gas | 532.600.000 | 463.600.000 |
| Nhiều nhân viên công ty và khác | 2.404.411.765 | 2.264.411.765 |
| Phải trả dài hạn khác (xăng dầu dự trữ quốc gia) | 230.861.607.098 | 230.861.607.098 |
| Tổng cộng | <u>240.722.857.793</u> | <u>235.787.564.560</u> |

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Cuối năm</u> | <u>Đầu năm</u> |
|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Ngắn hạn | 3.372.638.876.798 | 2.957.363.647.576 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng theo VND | 2.812.424.532.664 | 1.929.457.013.623 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng theo USD | 560.214.344.134 | 1.027.906.633.953 |
| Tổng cộng | <u>3.372.638.876.798</u> | <u>2.957.363.647.576</u> |

Chi tiết số dư vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

| Ngân hàng: | | <u>Cuối năm</u> | <u>Đầu năm</u> |
|-----------------------------|-----|---------------------------------|---------------------------------|
| Viettinbank Đồng Tháp (VND) | (a) | 1.030.195.636.752 | 837.344.844.822 |
| Viettinbank Đồng Tháp (USD) | (b) | - | 775.607.673.112 |
| BIDV Đồng Tháp (VND) | (c) | 1.443.243.369.720 | 720.752.253.265 |
| NH TM CP Quân Đội (VND) | (d) | 338.985.526.192 | 141.043.574.307 |
| Vietcombank Đồng Tháp (VND) | (e) | - | 170.316.341.229 |
| Vietcombank Đồng Tháp (USD) | (f) | 392.682.185.724 | 135.187.960.841 |
| MB Cần Thơ (thấu chi VND) | (g) | - | 60.000.000.000 |
| BIDV Đồng Tháp (USD) | (h) | 167.532.158.410 | 117.111.000.000 |
| Cộng | | <u>3.372.638.876.798</u> | <u>2.957.363.647.576</u> |

1389
CÔNG
TỊ
KIỂM
TÍNH
PHÓ

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Với thông tin về những hợp đồng vay như sau:

19. Vay của Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Đồng Tháp (Viettinbank Đồng Tháp):
- a. - Trong kỳ từ ngày 01/01-12/02/2018 tiếp tục giải ngân theo hợp đồng tín dụng số 001/2017-HĐTDHM/NHCT720-PETIMEX ngày 04/01/2017. Đến thời điểm 12/02/2018 hết thời hạn hợp đồng số 001/2017-HĐTDHM/NHCT720-PETIMEX ngày 04/01/2017 Công ty tiếp tục gia hạn hợp đồng mới. Hợp đồng Tín dụng số 039/2018-HĐCVHM/NHCT720-PETIMEX ngày 12/02/2018 với hạn mức cho vay là 3.000.000.000.000. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 29/03/2019. Tài sản đảm bảo là:
- + Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 098/13/PKHDN/TC ngày 10/05/2013;
 - + Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 097/13/PKHDN/TC ngày 10/05/2013;
 - + Hợp đồng cầm cố số 114/2017/NHCT720-PETIMEX; 115/2017/NHCT720-PETIMEX; 116/2017/NHCT720-PETIMEX; 117/2017/NHCT720-PETIMEX; 118/2017/NHCT720-PETIMEX; 119/2017/NHCT720-PETIMEX; ngày 26/05/2017.
19. Vay của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN - Chi nhánh Đồng Tháp (BIDV Đồng Tháp):
- c.h. Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2017/543435/HĐHM ngày 11/07/2017 với hạn mức cho vay là 3.000.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết 30/06/2018.
Ngày 31/08/2018 tái ký gia hạn hợp đồng số 01/2018/543435/HĐHM, thời hạn duy trì hạn mức đến hết 31/07/2019;
Tài sản đảm bảo là QSD đất và tài sản gắn liền với đất và số dư tiền gửi Ngân hàng đảm bảo tỷ lệ TSBĐ tối thiểu 30% và số dư hạn mức thấu chi phải được đảm bảo 100% bằng tiền gửi. Cụ thể như sau:
- QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 64/2015/543435/HĐTC ngày 10/06/2015, 98/2014/543435/HĐTC ngày 10/06/2014, 91/HĐ ngày 01/06/2014, 115/HĐ ngày 11/07/2011 ký giữa Ngân hàng và Bên vay và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo, cụ thể như sau:
 - + 400m² đất CSSXKD và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà cấp 4, DTXD 11,5m² và toàn bộ tài sản của trạm xăng dầu tại QL30, phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AD 988431, AD 988433 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 25/09/2006.
 - + 770m² đất CSSXKD và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại QL30, xã An Phong, Thanh Bình, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AD 988432 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 25/09/2006.
 - + 3.288,7 m² đất ở đô thị và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại khu vực 6, đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ theo GCN QSD đất số BX 967324 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tp.Cần Thơ cấp ngày 12/02/2015.
 - + Toàn bộ các hạng mục xây dựng, công trình kiến trúc, máy móc thiết bị theo GCN quyền sở hữu công trình số 012/TXCL do UBND Tp.Cao Lãnh cấp ngày 05/08/2005.
 - + 19.448 m² đất CSSXKD và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại đường Lê Duẩn, phường Phú Mỹ, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AM 305595, AM 305597 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/05/2008.
 - + 919,5 m² đất Trụ sở cơ quan và tài sản gắn liền với đất gồm 1 nhà cấp 3, DTXD 798 m² và toàn bộ tài sản khác tại QL30, phường Phú Mỹ, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AC 807409 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/12/2005.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ 1.190,9 m² đất CSSXKD và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 1 nhà cấp 3, DTXD 915 m² và toàn bộ tài sản khác tại QL30, phường Phú Mỹ, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AC 807408 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/12/2005.

+ 2.628 m² đất XD và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Khóm 3, phường 2, TX.Sa Đéc, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số I 301233 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 06/08/1996.

- Cầm cố số dư tiền gửi tại ngân hàng tối thiểu 800.000.000.000 đồng, trong đó bao gồm:

- Bên vay cam kết dùng toàn bộ hàng hóa tồn kho; các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác, trong đó bên vay là người thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để bảo đảm cho các nghĩa vụ của bên vay tại ngân hàng.

19d. Vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ:

- Hợp đồng cấp Tín dụng số 28670.17.451.259727.TD ngày 25/12/2017 với hạn mức cho vay là 50.000.000 USD (giá trị hạn mức đã bao gồm dư nợ gốc, dư LC và dư bảo lãnh của khách hàng theo hợp đồng cấp Tín dụng số 30129.16.451.259727.TD ngày 29/12/2016). Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 31/10/2018. Phụ lục hợp đồng cấp Tín dụng số 28670.17.451.259727.TD.PL02 ngày 01/11/2018 thay đổi thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/12/2018. Biện pháp bảo đảm:

Giá trị tài sản cầm cố được qui định trong hợp đồng cầm cố tiền gửi 259.15.451.259727 ngày 29/10/2015 và các phụ lục đính kèm là 227.000.000.000 đồng, gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, chi tiết như sau:

+ Hợp đồng số 21.14.451.259727.TG.DN; Số 13.17.451.259727.TG.DN; Số 12.17.451.259727.TG.DN; Số 11.17.451.259727.TG.DN; Số 14.17.451.259727.TG.DN.

19f. Vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp:

Hợp đồng cấp Tín dụng số 06/2018/NHNT.ĐT ngày 04/01/2018 với hạn mức cho vay 1.500.000.000.000 (Đồng tiền cho vay là đồng Việt Nam (VND) hoặc đô la Mỹ (USD)), thời hạn cho vay tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là tối đa 04 tháng kể từ ngày nhận nợ theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: theo từng lần phát sinh nhận nợ sẽ qui định cụ thể.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | <u>Cuối năm</u> | <u>Đầu năm</u> |
|--|-----------------|-----------------------|
| Trích dự phòng lương | - | 6.200.000.000 |
| Chi phí sửa chữa cửa hàng xăng dầu và khách sạn Hòa Bình | - | 18.200.000.000 |
| Tổng cộng | <u>-</u> | <u>24.400.000.000</u> |

Trong năm công ty đã hoàn nhập lại khoản dự phòng này cho khoản mục chi phí tương ứng như chi phí lương và chi phí sửa chữa bộ phận bán hàng

2-C
 TỶ
 AN
 CC
 CP

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Quỹ bình ổn giá

| | <u>Cuối năm</u> | <u>Đầu năm</u> |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số dư đầu năm | 169.762.963.893 | 46.572.630.259 |
| Trích lập quỹ bình ổn | 198.561.008.773 | 252.418.743.592 |
| Sử dụng quỹ | 250.716.160.440 | 129.228.409.958 |
| Số dư cuối năm | <u>117.607.812.226</u> | <u>169.762.963.893</u> |
| <u>Trong đó:</u> | | |
| Quỹ bình ổn giá xăng | (140.179.429.613) | (66.059.602.498) |
| Quỹ bình ổn giá dầu | 257.787.241.839 | 235.822.566.391 |

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước**

| Khoản mục | Số đầu năm | Tăng | Giảm | Số cuối năm |
|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 131.712.599.298 | - | - | 131.712.599.298 |
| Vốn khác | 1.233.596.616.810 | - | - | 1.233.596.616.810 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 8.402.093.679 | | | 8.402.093.679 |
| LN sau thuế chưa phân phối | (634.159.214.220) | 72.695.558.844 | 16.389.073.495 | (577.852.728.871) |
| Cộng | <u>739.552.095.567</u> | <u>72.695.558.844</u> | <u>16.389.073.495</u> | <u>795.858.580.916</u> |

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

| Khoản mục | Số đầu năm | Tăng | Giảm | Số cuối năm |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 131.712.599.298 | - | - | 131.712.599.298 |
| Vốn khác | 1.233.596.616.810 | - | 634.159.214.220 | 599.437.402.590 |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | - | 127.868.765.464 | | 127.868.765.464 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 8.402.093.679 | - | - | 8.402.093.679 |
| LN sau thuế chưa phân phối | (577.852.728.871) | 689.453.040.069 | | 111.600.311.199 |
| Cộng | <u>795.858.580.916</u> | <u>817.321.805.533</u> | <u>634.159.214.220</u> | <u>979.021.172.230</u> |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b.1 Chi tiết chênh lệch đánh giá lại tài sản

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận đánh giá lại tài sản để cổ phần hóa theo biên bản định giá ngày 1/1/2017 với giá trị định giá tăng thêm 127,868,765,464 đồng, cụ thể như:

| Khoản mục | Số tiền |
|--|------------------------|
| Định giá giảm giá trị tài sản - tiền | (455.523.471) |
| Định giá giảm giá trị tài sản - đầu tư ngắn hạn | (2.366.000.000) |
| Định giá giảm giá trị tài sản - phải thu khách hàng | (10.301.419.173) |
| Định giá giảm giá trị tài sản - phải thu khác | (5.062.525.096) |
| Định giá tăng giá trị tài sản - tài sản cố định hữu hình | 100.109.118.572 |
| Định giá giảm giá trị tài sản - tài sản cố định vô hình | (19.388.287.984) |
| Định giá tăng giá trị tài sản - đầu tư dài hạn | 48.522.048.937 |
| Định giá giảm giá trị tài sản - xây dựng cơ bản dở dang | (33.465.782.822) |
| Định giá giảm giá trị tài sản - chi phí trả trước khác | 6.224.097.577 |
| Định giá tăng nợ phải trả - phải trả nhà cung cấp | 14.939.563.494 |
| Định giá tăng nợ phải trả - các khoản nợ vay | 29.113.475.430 |
| Tổng cộng | 127.868.765.464 |

b.2 Khoản giảm vốn khác được chuyển vào lợi nhuận chưa phân phối theo biên bản định giá ngày 1/1/2017 là 634,159,214,220 đồng

c. Lợi nhuận sau thuế

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận lũy kế đầu kỳ | (577.852.728.871) | (634.159.214.221) |
| Điều chỉnh tăng LN sau thuế năm trước do các bút toán điều chỉnh kiểm toán các năm trước | | |
| Lợi nhuận sau thuế tăng trong kỳ | 102.649.901.152 | 72.695.558.844 |
| Tăng do điều chỉnh theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 1/1/2017 từ vốn khác (mục 22.b.2) | 634.159.214.220 | |
| Điều chỉnh vào lợi nhuận chưa phân phối lãi lỗ từ việc thanh lý, tất toán các khoản mục được định giá lại từ thời điểm định giá đến thời điểm ghi nhận giá trị định giá | (47.356.075.303) | |
| Điều chỉnh thuế GTGT và thuế BVMT theo kết luận KTNN | | (16.389.073.495) |
| Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế | 111.600.311.198 | (577.852.728.871) |
| Lợi nhuận lũy kế cuối kỳ | 111.600.311.198 | (577.852.728.871) |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------------------------|----------------------------------|
| 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 12.115.904.775.596 | 11.186.883.108.952 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 11.614.812.013 | 12.375.702.857 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 12.104.289.963.583 | 11.174.507.406.095 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | 241.360.973 | 72.012.909 |
| Giảm giá hàng bán | - | 32.175.273 |
| Hàng bán bị trả lại | 241.360.973 | 39.837.636 |
| Doanh thu thuần | 12.115.663.414.623 | 11.186.811.096.043 |
| 2. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 155.811.651.439 | 181.786.635.694 |
| Lãi do chuyển nhượng cổ phần Công ty 99 Núi | | 10.346.550.887 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 12.541.954.122 | 15.241.253.310 |
| Lãi do bán các loại chứng khoán | 530.742.616 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 29.286.020.163 | 15.613.470.524 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | | 2.774.859.457 |
| Lãi bán hàng trả chậm | | 734.801.231 |
| Tổng cộng | <u>198.170.368.340</u> | <u>226.497.571.103</u> |
| 3. Giá vốn hàng bán | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 11.830.148.613.142 | 10.982.777.971.019 |
| Tổng cộng | <u>11.830.148.613.142</u> | <u>10.982.777.971.019</u> |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền vay | 107.936.930.788 | 113.067.697.970 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 64.191.913.939 | 26.998.831.040 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 13.765.012.859 | 115.637 |
| Hoàn nhập dự phòng (dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty CP Vận tải Dầu khí Mekong theo kết luận của KTNN) | | (3.097.867.798) |
| Phí ngân hàng và khác | 1.984.218.591 | 1.588.621.318 |
| Tổng cộng | <u>187.878.076.177</u> | <u>138.557.398.167</u> |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 28.344.007.885 | 41.412.319.226 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 44.610.541.227 | 45.827.681.029 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 545.022.729 | 1.187.973.525 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 37.302.469.750 | 53.382.302.549 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 61.099.067.346 | 105.625.330.108 |
| Chi phí khác bằng tiền | 12.676.471.704 | 9.457.129.437 |
| Tổng cộng | <u>184.577.580.641</u> | <u>256.892.735.874</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 2.576.583.000 | 8.335.012.500 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 115.293.464 | 132.688.801 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.545.764.612 | 2.412.329.764 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.567.193.442 | 2.701.000 |
| Lập dự phòng | - | 2.199.034.424 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.641.311.098 | 5.596.357.285 |
| Chi phí khác bằng tiền | 8.709.615.401 | 6.060.056.262 |
| Tổng cộng | <u>21.155.761.017</u> | <u>24.738.180.036</u> |

7. Lợi nhuận khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Thu nhập từ thanh lý TSCĐ | 3.862.857.178 | 39.782.237.418 |
| Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ | 6.274.789.223 | 1.604.406.685 |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 5.157.984.956 | 60.256.599.851 |
| Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý | (2.411.932.045) | (33.847.235) |
| Nguyên giá quyền sử dụng đất chuyển nhượng | (5.157.984.956) | (22.044.921.883) |
| Thu nhập khác | 8.987.587.858 | 23.574.674.216 |
| Thu tiền hỗ trợ Marketing | 534.625.230 | 607.298.314 |
| Xử lý kết quả kiểm kê thừa | 4.140.376.358 | 9.340.219.351 |
| Thu tiền bồi thường hao hụt | 3.602.753.156 | 2.231.714.724 |
| Thu do chênh lệch tài sản góp vốn | | 7.585.280.234 |
| Thu hồi do được bồi thường bảo hiểm | | 3.799.039.929 |
| Khác | 709.833.114 | 11.121.664 |
| Chi phí khác | 60.106.715 | 959.609.273 |
| Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác | 53.614.407 | 816.353.147 |
| Khác | 6.492.308 | 143.256.126 |
| Tổng cộng | <u>12.790.338.321</u> | <u>62.397.302.361</u> |

138
 CÔNG TY
 KIỂM TOÁN
 PH

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 102.864.090.307 | 72.739.684.411 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | | |
| + Các khoản điều chỉnh tăng | - | 24.400.000.000 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.130.895.499 | |
| + Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức từ cty con) | 12.541.954.122 | 15.241.253.310 |
| Tổng thu nhập sau điều chỉnh | 90.322.136.185 | 81.898.431.101 |
| Trong đó, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản | 1.070.945.773 | 220.627.834 |
| Chuyển lỗ năm trước sang | (89.251.190.412) | (81.677.803.267) |
| Tổng thu nhập chịu thuế quyền sử dụng đất | 1.070.945.773 | 220.627.834 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 214.189.155 | 44.125.567 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 102.649.901.153 | 72.695.558.844 |

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản cam kết về thuê hoạt động**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm nay</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 6.415.126.004 | 4.786.704.444 |
| Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với tổng thanh toán như sau: | | |
| Trong niên độ tài chính sau | 1.456.446.792 | 353.155.200 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | | |
| Tổng | 1.456.446.792 | 353.155.200 |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê của các hợp đồng sau:

| Các hợp đồng thuê: | Thời hạn hợp đồng | Chi phí thuê từng tháng (gồm VAT) |
|--|------------------------------|-----------------------------------|
| Thuê làm văn phòng (HĐ Thuê PMB/BWA/3F/1B) và phụ lục PMH/BWA/3F/U1B ngày 1/6/2017 | ngày 01/06/2017 - 31/05/2019 | 29.429.600 đồng |
| Hợp đồng thuê kho Phước Khánh | ngày 01/01/2018 - 31/12/2018 | 700.000.000 đồng |

357
NG
NH
M T
T
H

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Những giao dịch chủ yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Công ty CP TM DK Cửu Long

Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp

Công ty CP VT Xăng dầu Đồng Tháp

Cty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà

Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô

Công ty CP Cơ khí Xây Dựng Đồng Tháp

Công ty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp

Cty CP Vận tải Dầu khí Mê Kông

Công ty CP Du lịch Đồng Tháp

Công ty CP Vận tải Đường Sông Đồng Tháp

Công ty CP Môi giới Bảo hiểm Sao Việt

Công ty CP Hóa dầu Phước Khánh

Công ty CP Vận tải Âu Lạc

Công ty CP Đầu tư XD Viễn Thông Đồng Tháp

Công ty CP Thương mại Long Thành

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn

Các giao dịch với các bên liên quan

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| (a) Công ty CP TM DK Cửu Long - Công ty con | | - |
| Bán xăng dầu nhớt | 2.916.841.272.556 | 2.993.135.666.885 |
| Cho thuê tài sản | 164.269.091 | 163.636.364 |
| Mua lại tài sản từ công ty con | 2.451.750.000 | 152.000.000 |
| Chuyển nhượng cổ phần từ công ty con | | 1.000.000.000 |
| Mua dịch vụ vận chuyển, bơm rót, logo bảng hiệu | 19.496.783.778 | 22.135.409.059 |
| Tặng vốn điều lệ do chia cổ tức | 6.670.362.622 | |
| Thu cổ tức | 1.411.200.000 | 1.764.000.000 |
| (b) Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp - Công ty con | | |
| Bán xăng dầu nhớt | 2.265.647.004.731 | 2.381.598.902.146 |
| Cho thuê tài sản | 109.090.910 | 130.909.092 |
| Chuyển nhượng QSDĐ | | 10.241.419.419 |
| Chi tiền Logo bảng hiệu | 849.476.612 | 1.521.774.696 |
| Mua xăng dầu - vận chuyển, hoa hồng và khác | 4.396.593.208 | 5.090.177.890 |
| Chi tiền thù lao Ban Kiểm soát | 135.000.000 | 180.000.000 |
| Thu cổ tức | | 3.978.800.000 |
| Thu lãi do chậm trả | | 94.398.143 |

72.
TY
H
ĐÁ
C
01

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Công ty CP VT Xăng dầu Đồng Tháp - Công ty con

| | | |
|------------------------|----------------|----------------|
| Bán xăng dầu nhớt | 1.047.939.602 | 1.809.480.439 |
| Mua dịch vụ vận chuyển | 24.329.490.355 | 32.018.226.620 |
| Thu cổ tức | | 2.228.960.100 |

(d) Công ty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà - Công ty con

| | | |
|---------------------------------|---------------|---------------|
| Cho thuê tài sản | 1.727.272.727 | 2.018.181.820 |
| Mua dịch vụ nhà hàng, khách sạn | 849.707.728 | 1.598.828.183 |
| Thu cổ tức | 429.320.000 | 429.320.000 |

(e) Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô - Công ty con

| | | |
|--|-----------------|-----------------|
| Bán xăng dầu nhớt | 457.896.410.546 | 521.439.430.501 |
| Cho thuê tài sản | | |
| Giảm lãi tiền hàng chậm thanh toán (điều chỉnh giảm) | | 737.946.542 |
| Mua dịch vụ sửa chữa, hỗ trợ logo bảng hiệu, | 4.582.760.001 | 5.296.054.614 |
| Thu cổ tức | 892.500.000 | 1.075.000.000 |

(g) Công ty CP Cơ khí Xây Dựng Đồng Tháp - Công ty liên kết

| | | |
|--|-------------|---------------|
| DV sửa chữa, XD tăng TSCĐ, XDCBDD | 723.313.999 | 2.154.127.272 |
| DV sửa chữa, XD tăng CCDC | 420.221.819 | 616.969.090 |
| DV sửa chữa, hỗ trợ logo bảng hiệu và khác | 228.847.091 | 623.804.089 |
| Thu cổ tức | | 72.000.000 |

(h) Công ty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp - Công ty liên kết

| | | |
|----------------------------|------------|---------------|
| Bán nhớt | 33.090.909 | 20.465.455 |
| Thu lãi hợp tác kinh doanh | | 1.128.349.630 |
| Chi phí khác | | 2.410.272 |
| Thu khác do cần trừ nợ | | 152.429.701 |

(i) Công ty CP Vận tải Mekong - Công ty liên kết

| | | |
|------------------------|----------------|----------------|
| Mua dịch vụ vận chuyển | 16.730.876.344 | 14.107.955.309 |
| Thu bồi thường hao hụt | 693.199.179 | 391.629.671 |

(j) Công ty TNHH Gas Sopet - Công ty liên kết

| | | |
|------------------|---------------|---------------|
| Cho thuê tài sản | 564.144.409 | 589.432.682 |
| Thu cổ tức | 2.245.000.000 | 1.195.037.910 |

(k) Công ty CP Hóa Dầu Phước Khánh - Công ty liên kết

| | | |
|--------------------------------------|---------------|--|
| Chi phí thuê kho | 6.077.272.724 | |
| Doanh thu cho thuê quyền sử dụng đất | 1.898.131.364 | |

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/11/2018

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư với các bên liên quan

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|--------------------|-------------------|
| (a) Các khoản phải thu | | |
| Công ty CP TM DK Cửu Long | 313.833.159.690 | 42.733.177.345 |
| Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp | 118.595.656.933 | 8.463.481.181 |
| Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô | 21.226.411.802 | 2.977.800.790 |
| Công ty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp | 2.289.095.229 | 2.289.095.229 |
| Cty TNHH Gas Sopot | 673.656.853 | 595.278.453 |
| (b) Các khoản phải trả | | |
| Công ty CP VT Xăng dầu Đồng Tháp | 1.300.889 | 2.130.906.509 |
| Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô | 74.250.000 | 62.080.569 |
| Công ty CP TM DK Cửu Long | 143.206.250 | |
| Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp | | 325.603.740 |
| Cty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà | 185.839.000 | 309.289.000 |

3. Thông tin về tỷ giá sử dụng:

Tỷ giá sử dụng để qui đổi khi lập báo cáo tài chính:

Ngày 31/12/2017 là 22.670 VND/USD và 22.740 VND/USD;

Ngày 31/12/2018 là 23.235 VND/USD và 23.325 VND/USD.



PHẠM VĂN BÈN
Người lập biểu

NGUYỄN XUÂN TUYÊN
Kế toán trưởng



LÊ THANH MÂN
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 02 năm 2019

VIET & CO

CERTIFIED PUBLIC ACCOUNTANTS AND BUSINESS ADVISORS

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT & CO

Lầu 5, Cao ốc Thiên Sơn, 5 Nguyễn Gia Thiều

Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

t: +84 28 3930 0620 • f: +84 28 3930 0622

w: www.vnco.com.vn



Morison KSI
Independent member